

Bản án số: 71/2024/DS-ST  
Ngày: 18 – 9 - 2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Đào

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đức Hòa

2. Bà Lê Thị Thận

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa:* Bà Đàm Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 60/2024/TLST – DS, ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2024/QĐXX – ST ngày 09 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Kim D, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Khu A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

**Bị đơn:** Bà Võ Thị Kim V, sinh năm 1970 (vắng mặt, xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu D, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 25/01/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 03/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị Kim D trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết nên bà Trần Thị Kim D cho bà Võ Thị Kim V vay tiền nhiều lần từ nhiều năm trước đây (bà D không nhớ rõ thời gian và số tiền cho vay). Mỗi lần vay đều có làm giấy, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, có thỏa thuận thời hạn trả. Tuy nhiên, bà V chỉ đóng cho bà D được một ít tiền lãi và cũng không trả tiền gốc nên tới ngày 19/5/2021, bà D và bà V tính toán lại số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và viết lại giấy vay tiền, đồng thời xé các giấy nợ trước đây. Các bên thỏa thuận 12 tháng sẽ trả, lãi suất là 2%/tháng nhưng chỉ nói miệng không ghi vào giấy. Tuy nhiên, bà V không trả lãi cũng như nợ gốc cho bà D khi tới hạn. Ngoài ra, trong năm 2023 cho tới đầu năm 2024 bà D còn cho bà V vay nhiều lần để trả nợ cho người khác với tổng số tiền 18.000.000 đồng. Đến ngày 17/01/2024, bà D yêu cầu bà V viết giấy xác nhận số tiền 18.000.000 đồng này, thỏa thuận thời hạn trả là tới Tết nguyên đán

năm 2024, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Tuy nhiên, bà V không trả lãi cũng như trả gốc cho bà D nên bà D khởi kiện ra tòa yêu cầu bà V phải trả tổng số tiền nợ gốc là 198.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 180.000.000 đồng từ tháng 11/2021 tính đến tháng 4/2024 với mức lãi suất 20%/năm là 86.940.000 đồng. Ngoài ra bà D không có yêu cầu gì khác.

**Bị đơn bà Võ Thị Kim V trình bày:** Số tiền 198.000.000 đồng mà bà D khởi kiện bao gồm các khoản tiền bà V vay như sau: Số tiền 180.000.000 đồng ngày 19/5/2021 là của các số tiền nợ gốc và lãi của các khoản vay năm 2021 gồm khoản vay 25.000.000 đồng (tiền lãi hàng tháng là 2.000.000 đồng), khoản nợ bảo hiểm 40.000.000 đồng và khoản vay 30.000.000 đồng và khoản lãi của các khoản nợ này. Ngoài ra, bà V có vay bà D số tiền 18.000.000 đồng vào ngày 17/01/2024.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu bà V trả số tiền vay gốc 198.000.000 đồng và tiền lãi 86.940.000 đồng của số tiền 180.000.000 đồng thì bà V chỉ đồng ý trả số tiền 198.000.000 đồng và khoản tiền lãi là 52.000.000 đồng, tổng là 250.000.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay bà V có hoàn cảnh khó khăn nên xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết số tiền này. Nếu bà D không đồng ý thì bà V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Trần Thị Kim D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Võ Thị Kim V vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Quan điểm về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Võ Thị Kim V phải trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 198.000.000 đồng và khoản tiền lãi của số tiền 180.000.000 đồng từ tháng 11/2021 cho đến tháng 4/2024 với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của người tham gia tố tụng.*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim D khởi kiện bà Võ Thị Kim V có nơi cư trú tại khu Đức Lợi, thị trấn B, huyện C, tỉnh Bình Phước để yêu cầu Vân phải trả số tiền tiền 198.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền 180.000.000 đồng từ tháng 11/2021 đến tháng 4/2024 là 86.940.000 đồng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự cho bị đơn Võ Thị Kim V. Tuy nhiên bà V đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn thống nhất nội dung: Bà Trần Thị Kim D có cho bà Võ Thị Kim V vay nhiều lần vào năm 2021, đến ngày 19/5/2021 các bên chốt nợ với tổng số 180.000.000 đồng. Tới ngày 17/01/2024, bà V tiếp tục vay bà D số tiền 18.000.000 đồng; việc vay tiền có lập giấy viết tay. Hiện nay, bà D chưa trả được khoản tiền này mặc dù đã quá hạn trả nợ. Như vậy, căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là sự thật không phải chứng minh. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà D buộc bà V trả cho bà D số tiền gốc đã vay là 198.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Đối với mức lãi suất: Quá trình giải quyết vụ án, bà D yêu cầu bà V phải trả khoản tiền lãi của số tiền 180.000.000 đồng từ tháng 11/2021 cho đến tháng 4/2024 với mức lãi suất thỏa thuận là 20%/năm. Tuy nhiên, xét thấy tại giấy vay tiền đề ngày 19/5/2021 không thể hiện lãi suất. Bà D xác định các bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng nhưng bị đơn bà V không thừa nhận có thỏa thuận lãi suất này mà bà V phải vay bà D 18.000.000 đồng để đóng 03 tháng tiền lãi cho khoản vay 180.000.000 đồng (tương đương lãi suất 3,33%/tháng). Như vậy, theo lời trình bày của các bên đương sự có căn cứ xác định việc vay tiền giữa các bên là có thỏa thuận lãi suất nhưng có tranh chấp về lãi suất.

Theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trong trường hợp các bên có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được tính 10%/năm (tương đương 0,83%/tháng). Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất 20%/năm từ tháng 11/2021 cho đến tháng 4/2024 không phù hợp với quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[5] Về thời gian tính lãi suất: Tại giấy vay tiền ngày 19/5/2021 có thể hiện thời hạn trả nợ là 12 tháng, tức là vào ngày 19/5/2022, bà V có nghĩa vụ trả nợ cho bà D. Như vậy, hợp đồng vay tài sản này giữa bà V và bà D là hợp đồng vay có thời hạn và có lãi. Do đó, tiền lãi trong hạn được tính từ ngày các bên chốt nợ ngày 19/5/2021 đến ngày 19/5/2022 và tiền lãi quá hạn được tính từ ngày 20/5/2022 đến ngày nguyên đơn yêu cầu tháng 4/2024. Tại phiên tòa nguyên đơn chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 01/11/2021 cho đến ngày 30/4/2024. Do đó khoản tiền lãi trong hạn sẽ được tính từ ngày 01/11/2021 cho đến ngày 19/5/2022, khoản lãi quá hạn sẽ được tính từ ngày 20/5/2022 cho đến ngày 30/4/2024.

[6] Khoản tiền lãi được tính như sau:

Tiền lãi trong hạn được tính từ ngày ngày 01/11/2021 cho đến ngày 19/5/2022 là 06 tháng 18 ngày. Tương đương số tiền  $(180.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng}) \times 06 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 9.860.400 \text{ đồng}$ .

Tiền lãi quá hạn từ ngày 20/5/2022 cho đến ngày 30/4/2024 là 23 tháng 10 ngày. Tương đương số tiền  $(180.000.000 \text{ đồng} \times 1,245\%) \times 23 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 52.543.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, tổng số tiền lãi bà V có nghĩa vụ trả cho bà D là 62.150.400 đồng.

[7] Từ những nhận định nêu trên, cần chấp nhận một phần yêu cầu yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc bà V phải có nghĩa vụ trả cho bà D số tiền vay gốc 198.000.000 đồng và tiền lãi là 62.150.400 đồng; tổng là 260.150.400 đồng.

[8] Phía bị đơn bà V đồng ý trả cho bà D số tiền nợ gốc là 198.000.000 đồng và khoản tiền lãi là 52.000.000 đồng, tổng là 250.000.000 đồng; đồng thời xin được trả dần số tiền này bà D hằng tháng nhưng không được bà D đồng ý nên đề nghị của này của bà V không được chấp nhận.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà D không phải chịu; bà V phải chịu 13.007.520 đồng.

[10] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng là có căn cứ nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463; 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim D; Buộc bà Võ Thị Kim V có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim D tổng số tiền 260.150.400 đồng (*Hai trăm sáu mươi triệu, một trăm năm mươi nghìn bốn trăm đồng*). Trong đó nợ gốc là 198.000.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám triệu đồng*) và tiền lãi là 62.150.400 đồng (*Sáu mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn, bốn trăm đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Kim D không phải chịu.

Bà Võ Thị Kim V phải chịu 13.007.520 đồng (*Mười ba triệu không trăm lẻ bảy nghìn, năm trăm hai mươi đồng*).

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- THA huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS –DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Trương Thị Đào**